

Bản án số: 28/2018/HS - PT
Ngày 06 - 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thanh Hương;

2. Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 37/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Ma Thị S do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Ma Thị S**, sinh ngày 16/11/1961 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 6/10; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn V, sinh năm 1933 và bà Ma Thị Đ, sinh năm 1933 (đều đã chết); có chồng là Ma Văn C, sinh năm 1957 (đã chết) và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 nguyên đơn dân sự không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 12/2017, Ma Thị S trú tại thôn Đ, xã H, huyện C nảy sinh ý định đi lên khu vực rừng Bi Mi thuộc thôn Đ, xã H, huyện C để chặt phát rừng trồng cây keo. Sau đó từ ngày 22/12/2017, S cầm một con dao tư chuôi gỗ

kích thước dài 40cm, bản dao rộng 4,5cm lên khu vực rừng nêu trên để chặt phát rừng. Quá trình chặt phát rừng S thuê thêm 13 người khác cùng làm, cụ thể;

1. Ma Thị T, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 58cm, bản dao rộng 05cm chặt phát thuê trong vòng 07 ngày, trong đó sáu ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 980.000đ.

2. Ma Thị T1, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 62cm, bản dao rộng 4,5cm chặt phát thuê trong vòng 10 ngày, trong đó chín ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 1.400.000đ.

3. Ma Văn Đ, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 53cm, bản dao rộng 04cm chặt phát thuê trong vòng 09 ngày, trong đó tám ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 1.260.000đ.

4. Ma Ngọc H, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 61cm, bản dao rộng 3,5cm chặt phát thuê trong vòng 05 ngày, trong đó bốn ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 700.000đ.

5. Ma Thị H1, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 59cm, bản dao rộng 04cm chặt phát thuê trong vòng 10 ngày, trong đó chín ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 1.400.000đ.

6. Ma Văn L, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 64cm, bản dao rộng 4,5cm chặt phát thuê trong vòng 05 ngày, trong đó bốn ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 700.000đ.

7. Ma Thị S1, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 61cm, bản dao rộng 03cm chặt phát thuê trong vòng 08 ngày, trong đó bảy ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 1.120.000đ.

8. Ma Thị K, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 69cm, bản dao rộng 05cm chặt phát thuê trong vòng 07 ngày, trong đó sáu ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 980.000đ.

9. Hoàng Thị T, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 53cm, bản dao rộng 5,5cm chặt phát thuê trong vòng 09 ngày, trong đó tám ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 1.260.000đ.

10. Phạm Thị P, trú tại thôn B, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 51cm, bản dao rộng 05cm chặt phát thuê trong vòng 10 ngày, trong đó chín ngày chặt phát rừng, một ngày phát tĩa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 1.400.000đ.

11. Ma Thị T, trú tại thôn Đ, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 56cm, bản dao rộng 04cm chặt phát thuê trong vòng 06 ngày, trong đó năm ngày chặt phát rừng, một ngày phát tỉa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 840.000đ.

12. Ma Thị C, trú tại thôn Đ, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 40cm, bản dao rộng 04cm chặt phát thuê trong vòng 05 ngày, trong đó bốn ngày chặt phát rừng, một ngày phát tỉa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 700.000đ.

13. Ma Thị H, trú tại thôn Đ, xã H, huyện C dùng dao quắm kích thước dài 47cm, bản dao rộng 05cm chặt phát thuê trong vòng 03 ngày, trong đó hai ngày chặt phát rừng, một ngày phát tỉa cành cây keo non của gia đình S và được trả công 420.000đ.

Sau khi chặt phát rừng xong, S dự định chờ cho cây khô rồi đốt dọn nhưng chưa kịp thực hiện thì đến ngày 17/01/2018 Trạm kiểm lâm T phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H kiểm tra phát hiện lập biên bản sự việc.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Vị trí rừng bị cáo S hủy hoại là khu vực rừng Bi Mi thuộc lô 49, 50 khoảnh 258B chức năng là rừng phòng hộ theo bản đồ quy hoạch phân 3 loại rừng tại Quyết định số 1859/QĐ - UBND ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C quản lý. Diện tích rừng bị hủy hoại là 30.000m² (Ba mươi nghìn mét vuông), lâm sản bị thiệt hại gồm: Nứa có đường kính từ 03cm đến 06cm, dài 05m = 26.220 cây; Giang đường kính từ 02cm đến 04cm, dài 08m = 6.660 cây.

Tại kết luận định giá tài sản số 19/KL - HDDGTS ngày 22/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 26.220 cây nứa đường kính từ 03cm đến 06cm, dài 05m; 6.660 cây từ 02cm đến 04cm, dài 08m có giá trị 30.966.000đ (Ba mươi triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Ma Thị S phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội.

- Xử phạt: **Ma Thị S** 04 (Bốn) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, bị cáo Ma Thị S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tố tụng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo Ma Thị S 04 (bốn) năm tù về tội “Hủy hoại rừng” là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình tình tiết mới: Đã tố giác tội phạm giúp đỡ cơ quan Kiểm lâm huyện C phát hiện vụ việc vận chuyển trái phép lâm sản; bị cáo có chồng tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo có đơn xác nhận của chính quyền địa phương thuộc hộ nghèo, neo đơn, là người khuyết tật đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Thị S, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C giảm hình phạt cho bị cáo 01 năm tù và cho bị cáo hưởng án treo. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo Ma Thị S 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Ma Thị S đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Nhất trí tội danh, điều luật Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Có nhân thân tốt; sau khi phạm tội đã khắc phục hậu quả trồng lại rừng; có công giúp đỡ cơ quan kiểm lâm phát hiện người vi phạm; có đơn xác nhận của chính quyền địa phương thuộc hộ nghèo, neo đơn, là người khuyết tật xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo có chồng tham gia dân công hỏa tuyến theo quy định tại các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 65 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Thị S xử giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Ma Thị S nhất trí luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không bổ sung gì thêm. Khi được nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Trợ giúp viên và bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ma Thị S tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng cuối tháng 12/2017 đến ngày 17/01/2018, Ma Thị S trú tại thôn Đ, xã H, huyện C đã có hành vi hủy hoại 30.000m² (Ba mươi nghìn mét vuông) rừng, lâm sản bị thiệt hại gồm: cây Nứa có đường kính từ 03cm đến 06cm, dài 05m = 26.220 cây; cây Giang đường kính từ 02cm đến 04cm, dài 08m=6.660 cây, tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại là 30.966.000đ (Ba mươi triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) thuộc khu vực rừng Bi Mi, thuộc lô 49, 50 khoảnh 258B chức năng rừng phòng hộ theo bản đồ quy hoạch phân 3 loại rừng tại Quyết định số 1859/QĐ - UBND ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C quản lý.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến việc quản lý và bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý chung của xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái rừng. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo Ma Thị S 04 (bốn) năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả để xét xử bị cáo với mức án 04 năm tù là đúng quy định.

[5] Ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm xem xét, tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình các chứng cứ mới như: tài liệu bị cáo bị bệnh Basedow, bệnh thoái hóa cột sống; giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến của ông Ma Văn C1 là chồng của bị cáo; bị cáo có công giúp đỡ cơ quan Kiểm lâm huyện C phát hiện đối tượng vận chuyển lâm sản trái phép; có đơn được Ủy ban nhân dân xã H đồng thời là nguyên đơn dân sự xác nhận bị cáo là hộ nghèo, neo đơn, là người bị khuyết tật và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Xét tính chất, mức độ, động cơ, mục đích hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Do nhận thức hạn chế về pháp luật và các quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng phòng hộ, bị cáo thuê người phát rừng nhưng không biết đó là rừng phòng hộ, để trồng cây keo mục đích phát triển kinh tế gia đình chứ không có mục đích hủy hoại rừng, sau khi bị phát hiện bị cáo đã trồng lại toàn bộ cây keo trên diện tích rừng đã thuê phát và được cơ quan Kiểm lâm và Ủy ban nhân dân xã H nghiệm thu thể hiện cây trồng phát triển xanh tốt. Xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm giảm một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[6] Xét luận cứ của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ghi nhận bị cáo đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Thị S, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt như sau:

Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; các điểm b, s, t, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội.

- Xử phạt: **Ma Thị S** 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội “Hủy hoại rừng”, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 06/9/2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Ghi nhận bị cáo Ma Thị S đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0002387 ngày 21/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo Ma Thị S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 06/9/2018.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hương - Hoàng Thị Minh Khánh

Hồ Thanh Sơn

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện C, tỉnh T.Quang;
- VKSND huyện C, tỉnh T.Quang;
- CA huyện C, tỉnh T. Quang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Sơn

